

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2025.
V/v “tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thu Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐHPT-DS ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M1.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: bà Vũ Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty Cổ phần M1 (theo VBUQ số 2854/2024/UQ-MARS ngày 1/11/2024 của Trưởng phòng xử lý nợ Miền B – Người được ủy quyền) (có mặt)

- Bị đơn: bà Đàm Thị Hồng N, sinh năm 1992 và ông Trần Văn K, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: số nhà D, tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Tất T (Theo văn bản ủy quyền số 26/2025/UQ-VPB ngày 28/02/2025 của Ngân hàng TMCP V) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2024, lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại cho nguyên đơn trình bày: ngày 12/4/2023 Ngân hàng TMCP V có ký hợp đồng cho vay với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K, hợp đồng tín dụng số LN2304048821887 với số tiền vay là 3.450.000.000đ, thời hạn vay 300 tháng mục đích vay Hoàn vốn mua BĐS tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04, địa chỉ tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, lãi suất theo khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12,9%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời gian cố định lãi suất sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh là ngày hết thời gian cố định; kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 15/4/2024; tài sản bảo đảm: toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận mang tên bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K) và thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận mang tên Đàm Thị Hồng N và Trần Văn K). Theo hợp đồng thế chấp số 8821887-02 ngày 10/4/2023 giữa Ngân hàng TMCP V với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K.

Đối với số tiền 3.450.000.000đ được chia cho 2 khế ước nhận nợ; khế ước ngày 12/4/2023 với số tiền 2.000.000.000đ và Khế ước ngày 13/4/2023 số tiền 1.450.000.000đ

Quá trình thực hiện hợp đồng bà N, ông K chỉ trả lãi của khế ước nhận nợ đối với món vay 2 tỷ số tiền lãi là 68.193.565đ và món vay 1,45 tỷ số tiền lãi 48.865.681đ. Sau đó bà N ông K không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác, bà N ông K đã vi phạm việc trả lãi của hợp đồng vay nên ngày 05/8/2023 Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Ngày 30/12/2023 V1 đã bán 100% khoản nợ cho Công ty cổ phần M1 theo hợp đồng số 03/2023 VPB – Mars giá trị khoản nợ được bán đối với khoản vay 3.450.000.000đ tính đến ngày 23/5/2025. Tổng số tiền phải trả 4.626.384.485 đồng bao gồm (tiền nợ gốc: 3.450.000.000đ lãi trong hạn 1.157.056.370đ; lãi chậm trả 19.328.114)

Do bà N, ông K không thanh toán nợ cho M nên đề nghị Toà án buộc bà N, ông K phải trả tiền gốc, tiền lãi và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật và đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và sở hữu nhà tài sản gắn liền với đất tại thửa 122 và thửa số 55 tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đề nghị Toà án tiếp tục tính lãi theo thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử; trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên phát mại không đủ trả nợ thì bà N ông K vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong các khoản nợ. Về chi phí đăng tin; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Công ty Cổ phần M1 đã chi và không yêu cầu Toà án xem xét quyết định trong bản án.

Toà án thụ lý vụ án khi bà N ông K có địa chỉ số nhà D tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, bà N không có mặt tại nơi cư trú. Công ty Cổ phần M1 đã làm đơn đề nghị Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thành viên hội đồng xét xử, thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa; việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 156, Điều 157; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016/UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M1 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K.

2. Buộc bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K phải trả cho Công ty Cổ phần M1 số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số LN2304048821887 ký ngày 10/4/2023 kèm theo khế ước nhận nợ tính đến hết ngày 23/5/2025. Tổng số tiền phải trả 4.626.384.485 đồng bao gồm (tiền nợ gốc: 3.450.000.000đ lãi trong hạn 1.157.056.370đ; lãi chậm trả 19.328.114đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng số LN2304048821887 ký ngày 10/4/2023 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K thanh toán đầy đủ số tiền trên thì Công ty Cổ phần M1 trả lại giấy tờ liên quan đến thế chấp tài sản cho bà N, ông K

Quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp: trường hợp bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền nêu trên thì buộc bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K có trách nhiệm giao lại tài sản thế chấp

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; GCNQSDĐ số DI 380670 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 30/3/2023 mang tên bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K. Theo hợp đồng thế chấp số 8821887-01, hợp đồng công chứng số 412 ngày 10/4/2023

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; GCNQSDĐ số CG 117268 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 13/11/2017 mang tên ông Trần Văn K. Theo hợp đồng thế chấp số 8821887, hợp đồng công chứng số 411 ngày 10/4/2023 .cho Công ty Cổ phần M1 để xử lý, phát mãi thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ. Bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K còn phải có trách nhiệm trả hết các khoản còn nợ Công ty Cổ phần M1.

4. về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đăng báo: Công ty Cổ phần M1 tự nguyện chịu chi phí nên không yêu cầu giải quyết.

5. về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí; hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp phát sinh trong hoạt động cho vay dùng vào việc tiêu dùng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K có đăng ký cư trú: tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, nên thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã hoãn phiên tòa vì sự vắng mặt của bị đơn. Theo quy định của pháp luật bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử, khi vắng mặt của các đương sự. căn cứ khoản 1 Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 10/4/2023 Ngân hàng TMCP V có ký HĐTD số LN2304048821887 giữa Ngân hàng với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K về việc cho vay số tiền 3.450.000.000đ; được giải ngân bằng khế ước nhận nợ ngày 12/4/2023 với số tiền 2.000.000.000đ và khế ước ngày 13/4/2023 số tiền 1.450.000.000đ; với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,9%/năm; lãi cho vay cố định trong 3 tháng sau đó điều chỉnh lãi trong hạn 3 tháng 1 lần vào các ngày đầu của quý (01/01; 01/04; 01/07 và 01/10 hàng năm) ngoài ra hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ còn quy định trả lãi vào ngày 15/5/2023; trả gốc kỳ đầu tiên vào 15/5/2024. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả.

Khi vay tài sản có thế chấp: toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận mang tên Đàm Thị Hồng N và Trần Văn K) và thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, tại địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận mang tên Đàm Thị Hồng N và Trần Văn K). Theo hợp đồng thế chấp số 8821887-02 ngày 10/4/2023 giữa Ngân hàng TMCP V với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K.

Ngày 05/8/2023 bà N, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn; tổng số tiền nợ 4.351.871.000đ (nợ gốc 3.450.000.000đ; nợ lãi 839.160.138đ; lãi chậm trả 62.710.862đ)

Ngày 30/12/2023 V1 đã bán toàn bộ 100% khoản nợ cho M. Từ đó cho đến nay bà N ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho M.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bà N ông K phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và số tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn số tiền 4.626.384.485đ (nợ gốc 3.450.000.000đ; lãi 1.157.056.370đ; lãi chậm trả 19.328.114đ)

Từ các căn cứ nêu trên chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần M1 buộc bà N, ông K phải trả số tiền: 4.626.384.485đ (Bốn tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng)

[2.3] xét yêu cầu về việc phát mại tài sản thế chấp:

+ Đối với tài sản thế chấp. Khi vay tiền bà N ông K có thế chấp gồm thửa đất số 122 , tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI380670 do sở tài nguyên môi trường tỉnh N cấp ngày 30/3/2023 mang tên Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K (theo hợp đồng thế chấp số 8821887, hợp đồng công chứng số 412 ngày 10/4/2023)

+ Thửa đất số 55 tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận số CG 117268 do sở tài nguyên môi trường tỉnh N cấp ngày 13/11/2017 mang tên Trần Văn K.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 về việc nếu bà N ông K không trả được khoản nợ thì Công ty Cổ phần M1 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả số nợ thì bà N, ông K còn phải tiếp tục trả nợ cho Công ty Cổ phần M1.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 156, Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3.1. Về chi phí đăng thông báo cho những người tham gia tố tụng: Công ty Cổ phần M1 đã chi và không yêu cầu xem xét.

3.2. Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần M1 đã chi và không yêu cầu Tòa án xem xét

3.3. Về tiền án phí:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn bà N ông K phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323; Điều 467; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1 Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M1 với bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số: HĐTD số LN2304048821887 ngày 10/4/2023.

Buộc bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K phải trả cho Công ty Cổ phần M1 tính đến ngày 23/5/2025 số tiền 4.626.384.485 đồng bao gồm (tiền nợ gốc: 3.450.000.000đ lãi trong hạn 1.157.056.370đ; lãi chậm trả 19.328.114đ)

Trường hợp bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K thanh toán đầy đủ số tiền trên thì Công ty Cổ phần M1 trả lại giấy tờ liên quan đến thế chấp tài sản cho bà N, ông K.

2.2 Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M1 thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; GCNQSDĐ số DI 380670 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 30/3/2023 mang tên bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K. Theo hợp đồng thế chấp số 8821887-01, hợp đồng công chứng số 412 ngày 10/4/2023

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; GCNQSDĐ số CG 117268 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 13/11/2017 mang tên

ông Trần Văn K. Theo hợp đồng thế chấp số 8821887, hợp đồng công chứng số 411 ngày 10/4/2023.

2.3 Tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ. Bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K còn phải có trách nhiệm trả hết các khoản còn nợ Công ty Cổ phần M1.

2.4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LN2304048821887 ký ngày 10/4/2023 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.5. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.5.1. Bà Đàm Thị Hồng N và ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sơ thẩm là 112.626.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn)

2.5.2. Công ty Cổ phần M1 không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.176.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000509 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- Các Đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Ngọc Hà

